| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẮK R'LẤP**<br>**TỈNH ĐẮK NÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2025/HS-ST
Ngày: 24 - 01 - 2025

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Giang.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Thế Kỳ và ông Nguyễn Xuân Thùy.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2025, đối với bị cáo:

Trần Thị T ***(tên gọi khác:*** C***),*** sinh năm 1968, tại tỉnh Bình Phước; nơi thường trú: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nơi tạm trú: Thôn F, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 09/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần V và bà Nguyễn Thị N; có chồng Nguyễn Văn H (đã ly hôn 2019) và 05 con; tiền án, tiền sự: Không; tại ngoại; có mặt.

*Bị hại:* Ông Đoàn Văn T1, sinh năm 1960; cư trú: Thôn F, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có đơn xin vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị T đến thuê phòng trọ của ông Đoàn Văn T1, để bán quán cơm. Đến khoảng tháng 9/2021, giữa bà T và ông T1 phát sinh chuyện tình cảm nam, nữ và thường xuyên qua lại với nhau.

Đến khoảng 04 giờ 55 phút ngày 20/6/2024, bà T điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát: 93N4-0337 đến nơi ở của ông T1 để hỏi mua thức ăn cho ông T1, đồng thời muốn nói chuyện về tình cảm của hai bên. Khi đến nơi bà T mở cửa đi vào phòng ngủ thì thấy ông T1 đang nằm ngủ trên giường, bà T thấy điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 14 Pro max, màu vàng gold của ông T1 để trên chiếc võng. Do trong thời gian yêu đương trước đó, bà T biết ông T1 có thói quen hay chụp hình ảnh thân mật giữa mình với ông T1 và biết ông T1 hay nhắn tin tình cảm với người phụ nữa khác, nên đã nảy sinh ý định trộm điện thoại của ông T1 để kiểm

tra, tìm các hình ảnh thân mật, tin nhắn tình cảm giữa ông T1 với người phụ nữ khác được lưu trong điện thoại để có bằng chứng nói với ông T1 trong việc ông T1 yêu đương lung tung. Bà T đã lén lút lấy trộm điện thoại trên bỏ vào trong túi áo khoác bên trái của mình và đi ra phòng ngủ, điều khiển xe về lại quán cơm của mình. Sau khi kiểm tra tin nhắn, bà T cất giấu chiếc điện thoại lấy được của ông T1 vào trong tủ gỗ đặt bên trong phòng ngủ của mình. Đến sáng cùng ngày, ông T1 thức dậy thì phát hiện bị mất điện thoại trên, sau đó ông T1 kiểm tra camera thì phát hiện bà T là người lấy trộm điện thoại của mình. Trưa cùng ngày, ông T1 đã trình báo vụ việc đến Công an xã Đ, huyện Đ để được giải quyết. Tại Công an xã Đ, bà T thừa nhận việc lấy trộm chiếc điện thoại của ông T1 và giao nộp chiếc điện thoại cho Công an xã Đ.

Kết luận định giá tài sản số 18/KLHĐĐG ngày 08/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max 128 Gb, màu gold, đã qua sử dụng. Tổng tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 22.941.500 đồng (hai mươi hai triệu chín trăm bốn mươi mốt ngàn năm trăm đồng).

Cáo trạng số 08/CT-VKS-ĐL ngày 08 tháng 01 năm 2025, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp truy tố bị cáo Trần Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội và không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp đối với bị cáo. Sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị chấp nhận Công an huyện Đ trả 01 điện thoại cho ông Đoàn Văn Đ.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu chứng khác đã tranh tụng tại phiên tòa. Ngày 20/6/2024, Trần Thị T đã lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động của ông Đoàn Văn T1. Tài sản chiếm đoạt có giá trị 22.941.500 đồng; vì vậy, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Trần Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người dân được pháp luật bảo vệ; bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi mà cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt mức hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo thì mới có đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Đoàn Văn T1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Chấp nhận Công an huyện Đ trả 01 điện thoại di động cho ông Đoàn Văn T1.

[8] Xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu và có nhân thân tốt; bị cáo có nơi cư trú ổn định nên cho bị cáo được tự học tập, cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình bị cáo cũng có đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

[9] Xét các chứng cứ buộc tội và quan điểm xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp đối với bị cáo là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

**1.** Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị T 09 *(chín)* tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối

hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thihành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

**2. Việc xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận Công an huyện Đ trả 01 điện thoại cho ông Đoàn Văn T1.

**3. Về án phí:** Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thị T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*